

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dịch vụ công ích đô thị huyện Xuân Lộc năm 2022 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Xuân Lộc làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn
nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 29 tháng 3 năm 2015 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ
Tài chính quy định quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm
nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực
lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức
chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức
xã hội - nghề nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 8385/BC-STC
ngày 16/12/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dịch vụ công ích đô thị huyện Xuân Lộc năm 2022 của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Xuân Lộc làm chủ đầu tư, cụ thể:

1. Tên gói thầu: *(Danh mục chi tiết kèm theo)*

- Gói thầu số 1: Dịch vụ chăm sóc cây xanh, thảm cỏ. Giá gói thầu khoảng 4.773.594.000 đồng, *(Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm chín mươi bốn ngàn đồng)*, đã bao gồm VAT.

- Gói thầu số 2: Dịch vụ quét dọn vệ sinh. Giá gói thầu khoảng 1.009.307.000 đồng, *(Bằng chữ: Một tỷ, không trăm lẻ chín triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn đồng)*, đã bao gồm VAT.

- Giá dùng làm căn cứ đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp gói thầu trên căn cứ giá thiết bị của đơn vị có chức năng thẩm định giá, nhưng không được lớn hơn giá gói thầu trong quyết định này.

- Các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình trang bị tài sản, căn cứ các quy định hiện hành, đơn vị thực hiện quyết toán theo thực tế và đảm bảo chế độ hoá đơn chứng từ đầy đủ.

2. Nguồn vốn:

- Gói số 1: Từ nguồn ngân sách huyện (nguồn sự nghiệp kiến thiết thị chính).

- Gói số 2: Từ nguồn ngân sách huyện (nguồn sự nghiệp môi trường).

3. Hình thức lựa chọn nhà thầu:

- Gói số 1: Đấu thầu rộng rãi, thực hiện qua mạng, lựa chọn nhà thầu trong nước.

- Gói số 2: Chào hàng cạnh tranh thông thường, thực hiện qua mạng.

4. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ, áp dụng cho cả 2 gói thầu.

5. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2021, áp dụng cho cả 2 gói thầu.

6. Loại hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định áp dụng cho cả 2 gói thầu.

7. Thời gian thực hiện hợp đồng: Tối đa 365 ngày kể từ ngày ký hợp đồng áp dụng cho cả 2 gói thầu.

Điều 2. UBND huyện Xuân Lộc chỉ đạo phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Xuân Lộc thực hiện Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, UBND huyện Xuân Lộc, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Xuân Lộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch và Các Phó Chủ tịch;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS

TháiTM

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Tấn Đức

DANH MỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2021 của UBND tỉnh)

Đvt: đồng

STT	Mã CV	Tên công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thành tiền
Gói thầu số 1: Dịch vụ chăm sóc cây xanh, thảm cỏ					
1	CX2.11.01	Duy trì cây cảnh tạo hình	100 cây/ năm	15,96	234.612.000
2	CX3.03.01	Duy trì cây bóng mát loại 1	1 cây/ năm	3.050,00	353.800.000
3	CX3.07.01	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao, cây loại 1	1 cây	753,00	838.842.000
4	CX3.07.02	Cắt thấp tán, khống chế chiều cao, cây loại 2	1 cây	159,00	233.730.000
5	CX2.05.02	Duy trì bồn cảnh lá màu không hàng rào	100m2/ năm	76,14	559.621.650
6	CX2.06.01	Duy trì cây hàng rào, đường viền cao <1m	100m2/ năm	6,22	21.080.715
7	CX2.01.32	Tưới nước giếng khoan bồn hoa, bồn cảnh, cây hàng rào bằng xe bồn 8m ³	100m2/ lần	7.362,24	618.428.160
8	CX1.01.32	Tưới nước thảm cỏ thuần chủng bằng xe bồn 8m ³	100m2/ lần	4.157,76	349.251.840
9	CX1.07.01	Bón phân thảm cỏ	100m2/ lần	2.731,26	122.906.700
10	CX1.06.01	Phun thuốc phòng trừ sâu cỏ	100m2/ lần	2.731,26	57.356.460
11	CX1.04.01	Làm cỏ tạp	100m2/ lần	2.731,26	286.782.300
12	CX1.02.11	Phát thảm cỏ thuần chủng bằng máy	100m2/ lần	2.731,26	144.756.780
13	CX1.01.12	Tưới nước giếng khoan thảm cỏ thuần chủng bằng máy bơm chạy điện 1,5kw	100m2/ lần	14.828,40	919.360.800
14	CX3.11.01	Quét vôi gốc cây, cây loại 1	1 cây	3.803,00	30.043.700
15	CX3.11.02	Quét vôi gốc cây, cây loại 2	1 cây	159,00	3.021.000
Giá gói thầu khoảng (làm tròn)					4.773.594.000
Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm chín mươi bốn ngàn đồng.					
Gói thầu số 2: Dịch vụ quét dọn vệ sinh					
1	MT1.01.01	Công tác gom rác đường phố ban ngày bằng thủ công.	km	3.129,660	657.228.600
2	MT1.02.01	Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công.	10.000m2	670,626	352.078.650
Giá gói thầu khoảng (làm tròn)					1.009.307.000
Bằng chữ: Một tỷ, không trăm lẻ chín triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn đồng.					

